

Số: 82 /2015/NQ-HĐND

Bình Thuận, ngày 09 tháng 12 năm 2015

**NGHỊ QUYẾT**

**Về định mức chi hoạt động cho các đơn vị cấp tỉnh  
và định mức phân bổ chi ngân sách cấp dưới năm 2016**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN  
KHOÁ IX, KỲ HỌP THỨ 12**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2002;

Căn cứ Quyết định số 59/2010/QĐ-TTg ngày 30 tháng 9 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2011;

Căn cứ Nghị định số 29/2013/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009 của Chính phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã;

Căn cứ Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan Nhà nước;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 71/2014/TTLT-BTC-BNV ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Bộ Tài chính và Bộ Nội vụ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng kinh phí hành chính đối với các cơ quan nhà nước;

Sau khi xem xét Tờ trình số 4094/TTr-UBND ngày 11/11/2015 của UBND tỉnh về định mức phân bổ dự toán chi hoạt động cho các đơn vị cấp tỉnh và định mức phân bổ dự toán chi ngân sách cấp dưới năm 2016; báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế và Ngân sách HĐND tỉnh và ý kiến của đại biểu HĐND tỉnh,

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Nhất trí định mức chi hoạt động cho các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh và định mức phân bổ chi ngân sách cấp dưới năm 2016 như sau:

**1. Đối với khối quản lý hành chính cấp tỉnh và cấp huyện, thị xã, thành phố:**

Đơn vị: triệu đồng/biên chế/năm

	Định mức chi
<b>Khối Tỉnh</b>	
- Khối Đảng, đoàn thể và quản lý nhà nước	25
<b>Khối huyện, thị xã, thành phố</b>	
- Khối Đảng, đoàn thể và quản lý nhà nước	25
Riêng huyện Phú Quý	29

**2. Đối với kinh phí hoạt động HĐND khối huyện, thị xã, thành phố:**

	Định mức chi
Thành phố Phan Thiết	950 triệu đồng/năm
Thị xã La Gi	920 triệu đồng/năm
Các huyện còn lại	900 triệu đồng/năm

**3. Đối với định mức chi sự nghiệp khối tỉnh và khối huyện, thị xã, thành phố:**

**3.1. Định mức chi đối với sự nghiệp giáo dục đào tạo, y tế khối tỉnh và khối huyện, thị xã, thành phố:**

a) Sự nghiệp giáo dục:

- Đối với bậc học mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở, trường Phổ thông dân tộc nội trú huyện trực thuộc huyện, thị xã, thành phố:

Địa bàn	Định mức (triệu đồng/trường/năm)						DTNT
	Mầm non		Tiểu học		Trung học cơ sở		
	Hạng 1	Hạng 2,3	Hạng 1	Hạng 2,3	Hạng 1	Hạng 2,3	
Phan Thiết	77	80	140	150	210	220	
Tuy Phong	77	80	140	150	210	220	
Bắc Bình	77	80	140	150	210	220	270
Hàm Thuận Bắc	77	80	140	150	210	220	270

Hàm Thuận Nam	77	80	140	150	210	220	
Hàm Tân	77	80	140	150	210	220	
La Gi	77	80	140	150	210	220	
Tánh Linh	77	80	140	150	210	220	270
Đức Linh	77	80	140	150	210	220	
Phú Quý	154	160	280	300	420	440	

- Đối với bậc học Trung học phổ thông và Trường phổ thông dân tộc nội trú tỉnh trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo:

Đơn vị: triệu đồng

Trường THPT Tuy Phong	760
Trường THPT Hòa Đa	829
Trường THPT Bắc Bình	787
Trường THPT Nguyễn Thị Minh Khai	620
Trường THPT Nguyễn Văn Linh	448
Trường THPT Hàm Thuận Bắc	689
Trường THPT Dân tộc nội trú	516
Trường THPT Trần Hưng Đạo	1033
Trường THPT Phan Bội Châu	923
Trường THPT Phan Chu Trinh	728
Trường THPT Phan Thiết	600
Trường THPT Bùi Thị Xuân	468
Trường THPT Lương Thế Vinh	366
Trường THPT Hàm Thuận Nam	640
Trường THPT Nguyễn Trường Tộ	476
Trường THPT Lý Thường Kiệt	748
Trường THPT Nguyễn Huệ	683

Trường THPT Hàm Tân	463
Trường THPT Đức Tân	490
Trường THPT Tánh Linh	715
Trường THPT Nguyễn Văn Trỗi	669
Trường THPT Đức Linh	700
Trường THPT Hùng Vương	894
Trường THPT Quang Trung	659
Trường THPT Ngô Quyền	640
Trường THPT Huỳnh Thúc Kháng	443

b) Sự nghiệp đào tạo:

Đơn vị: triệu đồng

Đơn vị	Định mức/học sinh/năm	Định mức/biên chế/năm
1. Trường Cao Đẳng cộng đồng		
- Hệ Cao đẳng khối kỹ thuật, du lịch	2,6	
- Hệ Cao đẳng nghề	3,4	
- Hệ Cao đẳng sư phạm	2,6	
- Hệ Cao đẳng ngành học khác	2,6	
- Hệ Trung cấp ngành học khác	2,4	
- Hệ Trung cấp khối kỹ thuật, du lịch	2,4	
2. Trường Cao đẳng Y tế		
+ Hệ Cao đẳng	3,6	
+ Hệ Trung cấp	3,2	
3. Trường Cao đẳng nghề		
- Hệ Cao đẳng nghề	3,4	
- Hệ Trung cấp nghề	3,2	
4. Trường Chính trị tỉnh		25

5. Các Trung tâm bồi dưỡng chính trị cấp huyện. Riêng Phú Quý		18,5 20
6. Trường Năng khiếu nghiệp vụ thể dục thể thao		18,5

c) Sự nghiệp y tế:

Đơn vị: triệu đồng/biên chế/năm

Bệnh viện tuyến huyện, phòng khám đa khoa khu vực	18,5
Trung tâm y tế dự phòng tỉnh và các Trung tâm chuyên ngành cấp tỉnh	18,5
Trung tâm y tế tuyến huyện Riêng Trung tâm Quân dân y Phú Quý	17 25
Trung tâm Dân số Kế hoạch hóa gia đình huyện Riêng Phú Quý	17 22
Y tế xã Riêng Phú Quý	10 20

3.2. Đối với các sự nghiệp khác của khối tỉnh và khối huyện, thị xã, thành phố:

Đơn vị: triệu đồng/biên chế/năm

- Khối tỉnh	18,5
- Khối huyện, thị xã, thành phố	18,5
Riêng huyện Phú Quý	20

4. Đối với khối xã, phường, thị trấn:

a) Đối với chức danh chuyên trách, công chức:

Đơn vị: triệu đồng/người/năm

	Định mức chi
- Xã loại 1	15
- Xã loại 2	15
- Xã loại 3	14,5

b) Đối với người hoạt động không chuyên trách:

Đơn vị: triệu đồng/người/năm

Chức danh	Định mức chi
<b>Khối xã</b>	
<b>- Khối Đảng</b>	
+ Không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn (Chủ nhiệm Ủy ban kiểm tra Đảng, Trưởng ban tổ chức Đảng, Trưởng ban Tuyên giáo và cán bộ văn phòng Đảng ủy xã)	24,4
<b>- Khối đoàn thể</b>	
+ Phó chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	24,4
+ Phó các đoàn thể: Đoàn thanh niên, Hội Liên hiệp phụ nữ, Hội Nông dân, Hội Cựu chiến binh	19,5
+ Chủ tịch Hội Chữ thập đỏ, người cao tuổi	26,4
<b>- Khối hành chính nhà nước</b>	
+ Không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn	18,9
<b>- Các chức danh không chuyên trách khác</b>	
+ Phó trưởng công an, phó chỉ huy trưởng quân sự	22,5
+ Công an viên thường trực	18,9
<b>Khối thôn, khu phố</b>	
+ Bí thư chi bộ thôn kiêm trưởng ban công tác mặt trận	24,8
+ Bí thư chi bộ khu phố	16,3
+ Trưởng thôn, khu phố	16,3
+ Trưởng ban công tác mặt trận khu phố	16,3
+ Công an viên ở thôn	14

Định mức này bao gồm cả kinh phí trợ cấp và hỗ trợ hàng tháng đối với các chức danh không chuyên trách.

c) Đối với chi hoạt động của HĐND xã, phường, thị trấn:

Định mức phân bổ chi hoạt động của HĐND xã, phường, thị trấn là 325 triệu đồng/xã/năm.

UBND các huyện, thị xã, thành phố căn cứ tình hình thực tế của từng xã, phường, thị trấn có trách nhiệm trình HĐND cùng cấp quyết định cụ thể mức phân bổ để đảm bảo hoạt động của HĐND các xã, phường, thị trấn trên địa bàn.

**Điều 2.** Việc thực hiện định mức chi hoạt động cho các đơn vị cấp tỉnh và định mức phân bổ chi ngân sách cấp dưới được áp dụng từ năm ngân sách 2016, là mức chi bình quân làm cơ sở cho việc lập dự toán, phân bổ dự toán giữa ngân sách tỉnh và ngân sách huyện, thị xã, thành phố.

**Điều 3.** Giao trách nhiệm cho UBND tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này. Trong quá trình thực hiện, nếu UBND tỉnh có đề nghị điều chỉnh, bổ sung định mức chi ngân sách cho phù hợp, HĐND tỉnh uỷ quyền cho Thường trực HĐND tỉnh và các Ban HĐND tỉnh căn cứ quy định của Chính phủ, hướng dẫn của Bộ Tài chính và tình hình thực tế của địa phương để quyết định việc điều chỉnh, bổ sung và báo cáo HĐND tỉnh trong kỳ họp gần nhất.

**Điều 4.** Thường trực HĐND tỉnh, các ban HĐND tỉnh và các vị đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh Bình Thuận Khoá IX, kỳ họp thứ 12 thông qua ngày 09 tháng 12 năm 2015 và có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày thông qua. /.

**Nơi nhận:**

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Ban công tác Đại biểu Quốc hội;
- Cục kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Thường trực Tỉnh uỷ;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ VN tỉnh;
- Đoàn đại biểu QH đơn vị tỉnh Bình Thuận;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Ban của Tỉnh uỷ;
- Các Sở, ban, ngành & đoàn thể tỉnh;
- Các Văn phòng: Tỉnh uỷ, Đoàn ĐBQH & HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- HĐND và UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Website Chính phủ;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, T.Duy.

180

**CHỦ TỊCH**



Nguyễn Mạnh Hùng

